TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: **212**/2024/QĐST-HNGĐ	*Long Biên, ngày 14 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1987

HKTT: Căn hộ E1 - 1902 Chung cư E, phường Phúc L, quận Long Biên, Hà Nội

Hiện trú tại: Đội 3, Đình T, Thuận T, Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

HKTT và trú tại: Căn hộ E1 - 1902 Chung cư E, phường Phúc L, quận Long Biên, TP. Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 88, 89 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/11/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đắc Nhân T - sinh ngày 16/10/2014 và Nguyễn Thiện A - sinh ngày 13/6/2016. Sau ly hôn, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhân T và Thiện A bắt đầu từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi từng con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về con riêng**: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị H còn sinh thêm 01 con là cháu Nguyễn An N - sinh ngày 27/01/2021 (Theo Giấy khai sinh do UBND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 01/02/2021). Quá trình giải quyết vụ án, Chị H và anh T đều thừa nhận và xác định cháu Nguyễn An N không phải là con chung của Chị H, anh T mà là con riêng của Chị H, phù hợp với Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 06/6/2024 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền về huyết thống giữa anh Nguyễn Văn T với cháu Nguyễn An N. Sau ly hôn, Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu An N, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu An N.

Chị H, anh T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cải chính thông tin cha trên giấy khai sinh của cháu Nguyễn An N.

- **Về tài sản chung và công nợ**: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về án phí**: Chị H, anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị H tự nguyện chịu cả án phí. Chị H đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai số 0018582 ngày 01/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội, nay được trả lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (số 01 ngày 02/01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Huyền